

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Danh sách trúng tuyển nhập học, Danh sách lớp
và Mã sinh viên năm 2026**

Căn cứ Quyết định số 2056/QĐ-TTG ngày 23/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y khoa Tokyo Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/2/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ Đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ Cao đẳng;

Căn cứ Công văn số 2304/BGDĐT-GDDH ngày 04/5/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng 2026;

Xét đề nghị của Phòng Đào tạo;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh sách 4 lớp và Mã sinh viên hệ Đại học chính quy Trường Đại học Y khoa Tokyo Việt Nam năm 2026 (danh sách kèm theo).

Điều 2. Các ông (bà) Trưởng khoa, Cán bộ Giảng viên, Cán bộ phòng Đào tạo và Sinh viên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

Ban giám hiệu;

Như điều 2;

Lưu: văn phòng.



TS. KUSUMI MARI



TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA
TOKYO VIỆT NAM

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬP HỌC
HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
NĂM HỌC 2026 - 2027
(Ban hành theo Quyết định số 260916/001/QĐ-THUV)

Hưng Yên, ngày 16 tháng 09 năm 2026

STT	Họ tên	Ngày sinh	Khoa	Lớp	Mã SV
1	NGUYỄN VŨ HẢI AN	29/03/2007	Điều dưỡng	NS11	12610001
2	NGUYỄN TRÀ GIANG	25/04/2007	Điều dưỡng	NS11	12610002
3	DƯƠNG KHÁNH HUYỀN	28/09/2008	Điều dưỡng	NS11	12610003
4	NGUYỄN PHƯƠNG NGỌC	14/12/2008	Điều dưỡng	NS11	12610004
5	NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC	24/07/2008	Điều dưỡng	NS11	12610005
6	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	15/01/2008	Điều dưỡng	NS11	12610006
7	DƯƠNG PHƯƠNG THẢO	27/07/2008	Điều dưỡng	NS11	12610007
8	NGUYỄN QUANG TÙNG	27/11/2008	Điều dưỡng	NS11	12610008
9	LÊ ĐẶNG PHƯƠNG UYÊN	30/01/2008	Điều dưỡng	NS11	12610009
10	PHẠM HOÀNG VIỆT	09/12/2008	Điều dưỡng	NS11	12610010
11	PHÙNG HÀ VY	17/10/2008	Điều dưỡng	NS11	12610011
12	PHẠM VĂN THẾ ANH	20/08/2008	Điều dưỡng	NS11	12610012
13	PHẠM NHƯ QUỲNH	23/05/2008	Điều dưỡng	NS11	12610013
14	HOÀNG PHƯƠNG LINH	12/12/2008	Điều dưỡng	NS11	12610014

[Signature]

STT	Họ tên	Ngày sinh	Khoa	Lớp	Mã SV
15	TÔ BẢO NGÂN	08/08/2008	Điều dưỡng	NS11	12610015
16	ĐỖ MINH QUÂN	06/11/2008	Điều dưỡng	NS11	12610016
17	BÙI HẢI LINH	30/01/2006	Điều dưỡng	NS11	12610017
18	LÊ THỊ THU TRANG	14/11/2008	Điều dưỡng	NS11	12610018
19	TRẦN NGỌC TRÂM	26/07/2008	Điều dưỡng	NS11	12610019
20	NGUYỄN MINH TRANG	28/07/2008	Điều dưỡng	NS11	12610020
21	NGUYỄN BẢO AN	19/10/2008	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620001
22	LÊ NGỌC ANH	11/01/2008	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620002
23	LÔ VÂN ANH	15/08/2008	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620003
24	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	16/02/2008	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620004
25	NGUYỄN QUỲNH ANH	23/09/2008	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620005
26	PHẠM THỊ LAN ANH	19/02/2008	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620006
27	TRẦN DUY ANH	17/09/2008	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620007
28	TRƯƠNG KỲ ANH	06/08/2008	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620008
29	TRẦN THIÊN ÂN	23/03/2004	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620009
30	PHẠM DƯƠNG TÔN BẢO	06/11/2008	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620010
31	PHẠM HÀ MINH CHÂU	26/07/2008	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620011

STT	Họ tên	Ngày sinh	Khoa	Lớp	Mã SV
32	PHẠM VŨ ĐẠO	26/07/2008	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620012
33	NGUYỄN MINH HIẾU	26/10/2008	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620013
34	ĐỖ MINH ANH HUY	29/12/2008	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620014
35	NGUYỄN DUY KHANH	28/02/2008	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620015
36	NGUYỄN ANH KHOA	31/10/2008	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620016
37	LÊ NGUYỄN THIÊN KHÔI	10/08/2007	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620017
38	NGUYỄN TRUNG KIÊN	20/09/2008	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620018
39	BÙI TUẤN KIẾT	01/07/2008	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620019
40	VÕ TUẤN KIẾT	07/04/2008	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620020
41	NGUYỄN BẢO LÂM	23/09/2008	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620021
42	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	25/02/2006	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620022
43	NGUYỄN TRANG LINH	04/11/2008	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620023
44	VŨ MAI HOÀNG LINH	30/09/2008	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620024
45	HOÀNG MẠNH LONG	17/11/2008	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620025
46	NGUYỄN PHÚ LỘC	17/01/2008	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620026
47	TRIỆU VŨ KHÁNH LY	20/05/2008	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620027
48	BÙI TRỌNG MINH	30/03/2005	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620028

STT	Họ tên	Ngày sinh	Khoa	Lớp	Mã SV
49	ĐỖ TẤN MINH	01/05/2008	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620029
50	NGUYỄN TIẾN ANH MINH	18/01/2008	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620030
51	PHẠM QUANG MINH	13/06/2008	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620031
52	TRẦN TRANG MY	21/05/2008	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620032
53	TRẦN NHẬT NAM	05/10/2008	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620033
54	NGUYỄN HOÀNG NGÂN	26/07/2008	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620034
55	NGUYỄN MAI BẢO NGỌC	04/08/2008	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620035
56	NGÔ ĐỨC BẢO NGUYỄN	05/04/2008	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620036
57	KHUẤT HƯƠNG TUỆ NHI	28/10/2008	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620037
58	PHẠM HẢI NINH	01/01/2008	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620038
59	NGUYỄN VŨ LÂM OANH	24/01/2008	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620039
60	VŨ ĐÌNH PHÚC	14/12/2008	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620040
61	NGUYỄN NGUYỄN PHƯƠNG	28/11/2008	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620041
62	NGUYỄN MINH QUANG	19/10/2008	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620042
63	ĐOÀN TRUNG QUÂN	26/01/2008	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620043
64	NGUYỄN LÊ NAM THÁI	24/06/2008	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620044
65	NGUYỄN TRUNG THÀNH	27/10/2008	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620045

STT	Họ tên	Ngày sinh	Khoa	Lớp	Mã SV
66	NGUYỄN SỸ TIỆP	18/06/2008	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620046
67	NGUYỄN NGỌC TRANG	25/11/2008	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620047
68	HOÀNG XUÂN TRÍ	03/04/2008	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620048
69	NGUYỄN PHÚC TRỌNG	29/01/2008	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620049
70	VŨ ĐỨC TUẤN	11/06/2008	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620050
71	PHẠM CÁT TƯỜNG	31/01/2008	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620051
72	NGUYỄN NAM KHÁNH	09/01/2008	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620052
73	ĐỖ ĐỨC MINH KHANG	07/12/2007	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620053
74	NGUYỄN TRỌNG BẢO MINH	05/04/2008	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620054
75	TRẦN HOÀNG LINH	29/03/2007	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620055
76	LÊ THẾ ĐẠT	02/11/2007	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620056
77	HÀ QUANG MINH	13/08/2008	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620057
78	LƯƠNG QUỲNH THƯƠNG	08/06/2007	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620058
79	HOÀNG THÁI DƯƠNG	03/12/2008	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620059
80	NGUYỄN ĐỨC HOÀNG	20/02/2008	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620060
81	TRẦN VIỆT ANH	25/07/2008	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620061
82	NGUYỄN THỊ MINH THẢO	23/11/2008	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620062

STT	Họ tên	Ngày sinh	Khoa	Lớp	Mã SV
83	ĐOÀN ĐẠI DƯƠNG	27/03/2008	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT11	12620063
84	TẠ PHƯƠNG ANH	31/08/2008	Kỹ thuật xét nghiệm y học	MT10	12630001
85	TRẦN NGỌC HẢI	03/05/2008	Kỹ thuật xét nghiệm y học	MT10	12630002
86	NGUYỄN NGỌC MINH	06/11/2008	Kỹ thuật xét nghiệm y học	MT10	12630003
87	NGUYỄN MỸ NHƯ NGỌC	02/01/2008	Kỹ thuật xét nghiệm y học	MT10	12630004
88	ĐỒNG YẾN VI	14/09/2008	Kỹ thuật xét nghiệm y học	MT10	12630005
89	NGUYỄN ĐỨC VINH	01/11/2008	Kỹ thuật xét nghiệm y học	MT10	12630006
90	CHU HẢI ANH	04/07/2008	Kỹ thuật hình ảnh y học	RT10	12640001
91	LÊ QUÝ ĐỨC ANH	26/04/2008	Kỹ thuật hình ảnh y học	RT10	12640002
92	NGUYỄN VŨ VIỆT ANH	29/10/2008	Kỹ thuật hình ảnh y học	RT10	12640003
93	NGUYỄN MINH CHÂU	31/10/2008	Kỹ thuật hình ảnh y học	RT10	12640004
94	NGUYỄN ĐỨC DŨNG	08/03/2008	Kỹ thuật hình ảnh y học	RT10	12640005
95	VŨ ĐỨC DUY	23/08/2008	Kỹ thuật hình ảnh y học	RT10	12640006
96	NGUYỄN HUY HIỆU	03/05/2008	Kỹ thuật hình ảnh y học	RT10	12640007
97	ĐINH GIA HUY	25/11/2008	Kỹ thuật hình ảnh y học	RT10	12640008
98	HÀ DUY QUÂN	01/03/2008	Kỹ thuật hình ảnh y học	RT10	12640009
99	TỔNG DIỆU THẢO	12/11/2008	Kỹ thuật hình ảnh y học	RT10	12640010

STT	Họ tên	Ngày sinh	Khoa	Lớp	Mã SV
100	HOÀNG NHẬT THU	20/08/2008	Kỹ thuật hình ảnh y học	RT10	12640011
101	PHÙNG THỊ HỒNG NHUNG	23/09/2008	Kỹ thuật hình ảnh y học	RT10	12640012
102	TRẦN ĐỨC MINH	25/10/2007	Kỹ thuật hình ảnh y học	RT10	12640013
103	TÔ TRỌNG KHÔI	12/05/2007	Kỹ thuật hình ảnh y học	RT10	12640014
104	TRẦN NGỌC TUẤN ANH	30/12/2007	Kỹ thuật hình ảnh y học	RT10	12640015
105	LÊ DUY HIẾU	10/01/2008	Kỹ thuật hình ảnh y học	RT10	12640016
106	NGUYỄN ĐỨC TUẤN	14/09/2008	Kỹ thuật hình ảnh y học	RT10	12640017
107	NGUYỄN ĐỨC MINH	21/08/2002	Kỹ thuật hình ảnh y học	RT10	12640018
108	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG ANH	03/07/2004	Kỹ thuật hình ảnh y học	RT10	12640019

Tổng số: 108 SV 

CAO